| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN ND HUYỆN NG SƠN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **27** /2025/HNGĐ - ST
Ngày 23 /4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG SƠN -TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân ChU

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Úy

Ông Đặng Văn Châu

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Ng Sơn tham gia phiên tòa:***

Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025, về việc"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*NgU đơn: Chị Lương Thị M - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnhThanh Hóa.

*Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn A, xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị M và anh T vắng mặt. Chị M và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1.** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ngU đơn, chị Lương Thị M trình bày:

**Về hôn nhân:* Chị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/7/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm, đên năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do anh T không tu chí làm ăn, chăm lo cho con và gia đình, hay uống rượu say xỉn, thường xU bạo lực gia đình, mặc dù chị đã có gắng động viên anh T nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

** Về con chung:* Chị Lương Thị M xác định: Vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 25/8/2012; cháu thứ hai là Nguyễn Thị T U, sinh ngày 30/8/2016. Hiện tại cháu đang ở với chị M. Ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Lương Thị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**2.** Đối với bị đơn – Anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đên Tòa án để giải quyết việc chị M xin ly hôn anh. Ngày 20/3/2025 Tòa án nhận được bản tự khai của anh T gửi qua đương bưu điện trình bày với nội dung:

**Về hôn nhân:* Anh và chị Lương Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/7/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm, đên năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nối chung nữa, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh T cũng đồng ý ly hôn.

** Về con chung:* Anh Nguyễn Văn T xác định: Vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 25/8/2012; cháu thứ hai là Nguyễn Thị T U, sinh ngày 30/8/2016. Hiện tại cháu đang ở với chị M. Ly hôn, anh T đề nghị giao hai cháu cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

** Về tài sản và nợ chung:* Anh Nguyễn Văn T đề nghị : Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: ngU đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M, cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: giao 02 cháu là Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Thị T U, cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

. Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa ngU đơn chị Lương Thị M và bị đơn anh Nguyễn Văn T là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 3, xã Ng Th, huyện Ng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2]. Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như tống đạt văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng tại các buổi hòa giải anh T vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị M vẫn giữ ngU quan điểm xin ly hôn anh T và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 20/3/2025, Tòa án nhận được bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh T qua đường bưu điện, Ngày 28/3/2025 Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/4/2025, ngày 02/4/2025 chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ngU đơn và bị đơn.

**[3]. Về nội dung vụ án:**

**Về hôn nhân:* Chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/7/2011, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn theo chị M là do anh T không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình mà hay uống rượu say và thường xU bạo lực gia đình. Theo anh T trình bày ngU nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên chị M nên xem xét lại tình cảm của mình và bỏ qua những mâu thuẫn trong cuộc sống để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị M cho rằng chị đã cố gắng chịu đựng và tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, đến nay chị không còn tình cảm với anh T nữa, nên chị cương quyết đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tại bản từ khai của anh T gửi cho Tòa án ngày 20/3/2025, quan điểm của anh T cũng nhất trí ly hôn với chị M.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung*: Chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn T xác định: Vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 25/8/2012; cháu thứ hai là Nguyễn Thị T U, sinh ngày 30/8/2016. Hiện tại hai cháu đang ở với chị M. Ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Quan điểm của anh T cũng đồng ý giao hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị M và quan điểm của anh T về việc giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng, mặt khác cũng thỏa mãn nguyện vọng của hai cháu, khi bố mẹ ly hôn các cháu mong muốn được ở với mẹ. Để không làm sáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. nên HĐXX chấp nhận để nghị của chị M và anh T.

Về cấp dưỡng, hiện tại chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên miễn xét.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Lương Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

**[4].Về án phí**: Chị Lương Thị M phải chịu án phí ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị M về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Văn T.

***Về hôn nhân:** Cho chị Lương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

***Về con chung:** Giao hai cháu Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Nguyễn Thị T U, sinh ngày 30/8/2016. Cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị M.

Anh T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Lương Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0006451 ngày 03/01/2025 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Chị M đã nộp đủ án phí DSST.

***Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã Ký)***

**Nguyễn Xuân Chuyên**

**Nơi nhận:**
- *VKSND huyện Ng Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Ng Sơn;*
- *UBND xã Ng Th, huyện Nga Sơn;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*